

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 46

Phẩm 6: QUÁN THIÊN (Phần 25)

DẠ-MA THIÊN (Phần 11)

Tỳ-kheo ấy lại niệm về cảnh giới đáng yêu ở cõi trời. Nó do sự hòa hợp sinh, bị gió phân biệt thổi và lửa ái thiêu với mức độ ngày càng tăng. Người ở các thế gian, tham cái vui ở cõi ấy, mới nghĩ: “Trên trời rất vui”.

Tỳ-kheo này buộc niệm tư duy về cõi trời kia bị thoái thất nên không sinh tham muốn đối với cảnh giới đáng ưa, rời bỏ ý nóng bức não hại. Tỳ-kheo như vậy có ý lành vào bậc nhất, vị ấy thấy các cõi trời Dục giới đều bị thoái thất.

Cõi trời Tứ Thiên vương có mười hai việc thoái thất.

1. Sức yếu.
2. Thường đánh nhau với A-tu-la, A-tu-la bất ngờ lén nhập vào trong quân đội.
3. Lúc đánh nhau, bị A-tu-la đánh vào bộ giáp đang mặc trên người.
4. Lúc đánh nhau, bị A-tu-la hất mũ trụ đang đội trên đầu khiến nó rơi xuống biển.
5. Lúc bị thua liền sinh hổ thẹn.
6. Lúc đánh nhau, thấy A-tu-la liền sinh kinh sợ.
7. Lúc thoái thất, các Thiên nữ bỏ họ mà đi theo các Thiên tử khác.
8. Lúc ăn, do nghiệp của mình, họ thấy thức ăn dở liền sinh hổ thẹn.
9. Do nghiệp của mình, nên số lượng quân lính, sắc đẹp, hình tướng, đồ đạc trang sức đều thua kém người khác nên sinh hổ thẹn.
10. Lúc chư Thiên ấy dạo chơi, các con chim sinh ra ở cõi trời ấy thấy họ kém cõi, cũng sinh khinh chê.
11. Vị trời hèn kém phải đi bộ đến chỗ vui chơi.
12. Dục lạc mà chư Thiên yếu kém thọ hưởng tương tự với nghiệp tự thân, nên khi thấy vật trang sức của người khác đẹp đẽ hơn mình, vị ấy liền sinh hổ thẹn.

Cõi trời Tứ Thiên vương có mười hai loại thoái thất như vậy. Tỳ-kheo nào khéo tu tâm thì không nên tham dục lạc nơi cõi trời và dùng ý trong sạch quan sát cõi trời ấy. Đã quan sát rồi, tâm sinh chán ghét, coi khinh dục lạc cõi trời. Nếu có người vì mong cầu sinh lên trời mà sống phạm hạnh thì phạm hạnh ấy chẳng phải là nhân của phạm hạnh. Những người như vậy bị Tỳ-kheo ấy coi thường. Vì sao? Đó là vì không được tự tại.

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy quan sát sự thoái thất của cõi trời Tam thập tam. Họ thấy trong cõi trời ấy có tám loại thoái thất. Những gì là tám?

1. Áo giáp không tốt, lúc đánh nhau với A-tu-la, mưa rớt xuống chất bất tịnh.
2. Khi đánh nhau thấy tướng cầm đầu A-tu-la mạnh mẽ, tâm họ liền khiếp sợ nên thoái lui.
3. Lúc ăn, vị trời kém cõi bị hổ thẹn.
4. Vị trời hèn kém không được Thiên vương Đế Thích biết đến.

5. Vị trời kém thì diện mạo, sức lực và hình tướng cũng đều kém.
6. Sắc, thanh, hương, vị, xúc của vị trời ấy đều kém cõi, không bằng các vị khác.
7. Lúc thoát đọa, vị trời ấy bị Thiên nữ lừa bỏ.
8. Lúc vui chơi trong cung điện, thần thông của vị trời ấy cũng kém không thể đi mau.

Đó là tám việc thoát thất của cõi trời Tam thập tam.

Trong cõi trời Dạ-ma có sáu việc thoát thất. Những gì là sáu?

1. Lúc ăn, vị trời kém phải chịu xấu hổ.
2. Vị trời ấy có dạy điều gì thì Thiên nữ không ghi nhận.
3. Do ít phước nên vị trời ấy tuy được các Thiên nữ cúng dường nhưng không bằng sự cúng dường các vị trời nhiều phước.
4. Lúc Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà thuyết pháp, tâm của vị Thiên ấy không ưa thích. Đây là sự thoát thất lớn nhất trong số đó.
5. Do nghiệp cũ ít, ánh sáng của vị trời ấy liền giảm đi. Nếu là vị Thiên đời trước đã từng làm nhiều việc lành, vị ấy liền ngồi tòa báu lớn màu xanh. Ngồi rồi lại đứng dậy, vị trời kém cõi khi ngồi tại chỗ ấy tòa ngồi liền biến thành bạc. Do đủ loại nghiệp nên có sự thoát thất như vậy.

6. Thân hình thấp.

Sáu điều này là việc thoát đọa của trời Dạ-ma.

Cõi trời Đâu-suất đã có bốn sự thoát thất. Những gì là bốn?

Một là lúc nghe pháp, tâm của vị trời yếu kém ở cõi trời Đâu-suất-đà không ưa thích, không thích tiếng thuyết pháp của ngỗng chúa. Đó là sự thoát thất. Ở cõi trời Đâu-suất-đà, ngỗng chúa thường sống ở chỗ vui sướng và trong sạch. Ngỗng chúa ấy chính là do Bồ-tát tùy ý thọ sinh nên khiến cho nó có sắc đẹp như ý. Thân ngỗng làm bằng bảy báu, ánh sáng chiếu khắp không thể ví dụ. Ánh sáng của thân đầy khắp năm ngàn do-tuần, có đủ loại màu sắc. Ánh sáng của chư Thiên ở cõi trời Đâu-suất-đà không sánh kịp ánh sáng thù thắng của ngỗng chúa khiến các vị trời ấy sinh tâm thán phục. Bồ-tát ngỗng chúa khiến họ sinh tâm thán phục rồi, liền nói kệ thuyết pháp cho chư Thiên:

*Nghiệp phước đức đã hết
Mạng liền mau chóng giảm
Cõi Đâu-suất phải thường
Siêng năng giữ gìn pháp.
Nếu xả bỏ chánh pháp
Phóng dật hủy hoại trời
Không tích tụ phước đức
Về sau sinh hối tiếc.
Thậm chí già chưa đến
Bệnh chết cũng chưa lại
Đều nên tạo phước đức
Chớ để sau hối hận.
Nếu không tạo phước đức
Bị phóng dật hủy hoại
Do phóng dật hủy hoại
Chịu khổ ở địa ngục.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đã được thân đầy đủ
Mà hành động phi pháp
Sao chẳng dùng mạng, của
Và anh em thân thuộc.
Thường làm việc phước đức
Tâm ý thâm giữ pháp
Hoặc lại dứt nghiệp ác
Hoặc là gần người tốt.
Dùng dao bén trí tuệ
Cắt đứt cành lá ác
Phá bỏ đồng tội ác
Diệt trừ lỗi tương tục.
Trọng trí, giới, phước, đức
Tâm không mong cầu gì
Thường gần người thiện nam
Người chỉ đường chân thật.
Nếu trì giới sinh Thiên
Bị dục làm mê hoặc
Người không tu phước đức
Thường đi trong các cõi.
Nếu thường thích trí tuệ
Giữ giới báu trang nghiêm
Người nào sợ rắn dục
Chính là Thiên Trung Thiên.
Người thường sống như pháp
Chư Thiên nên lễ lạy
Người nào sống điên đảo
Liên sa vào đường ác.
Bờ này, kia tuy xa
Nhưng đã có cầu pháp
Nếu không mau đi qua
Không được thoát các cõi.
Lửa trí tuệ hay thiêu
Vô lượng củi phiền não
Tại sao dây phiền não
Trói người ưa cảnh giới.
Nhiễm bụi dục rất nặng
Làm chướng ngại mắt tuệ
Lời Phật như thuốc hay
Trừ được chướng ngại đó.
Đại tướng của chánh pháp
Hay phá đạo quân dục
Miệng nói ra pháp lành
Ông nên thường ghi nhận.
Có bốn loại điên đảo

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thường hay gây lừa dối
Thế gian có tám pháp
Khiến cho mất tất cả.
Giữa sông ái chảy xiết
Trăm nghi không thể vượt
Ai đứng trên bè trí
Sẽ đến chỗ vắng lặng.
Vị trời nào gần dục
Sẽ khiến tâm ngu si
Thường đắm trong năm dục
Biết chừng nào giải thoát.
Dục khó được dễ mất
Nhanh như điện không bền
Dục gây khổ như dao
Trái độc, lửa, thuốc độc.
Gần như vậy, như vậy
Tăng trưởng cũng như vậy
Dục như lửa thiêu củi
Không thể thỏa mãn được.
Trời ngu mong cầu dục
Không sợ bị thiêu đốt
Nếu lia dục bất thiện
Sẽ được niềm vui lớn.
Người ngu nhiễm dục rồi
Bị tham dục trói chặt
Tham dục y như điện
Có đó rồi mất ngay.
Nếu ưa gần tham dục
Liên bị dục chế ngự
Bị lửa dục thiêu đốt
Chỗ nào có thể thiêu.
Trời nào gần dục lạc
Tâm sẽ rất ngu si
Không thể cầu chân lạc
Ở trong pháp không thật.
Trong dục không Niết-bàn
Không vui không giải thoát
Vì vậy chớ gần dục
Gần dục rất là xấu.
Nếu gần cảnh giới dục
Căn liền không biết đủ
Không biết đủ chuốc khổ
Không thể được vắng lặng.
Nên sợ pháp hữu vi
Và biển lớn sinh tử

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Vì ái dục rất ác
Thường đi theo chúng sinh.
Như trên ngọn núi này
Đủ loại cây đáng yêu
Nương đó mà tu thiền
Tư duy dục sinh diệt.
Người trí khéo tu hành
Bốn Niệm xú vắng lặng
Sợ hãi sinh lão tử
Thoát đến bờ lành kia.
Người ngu không tư duy
Ưa dục nên bị trôi
Dục lạc đã sạch rồi
Ắt thoát sinh lão tử.
Nếu niệm khổ lớn này
Không mệt bởi ba cõi
Do si bị tên dục
Bắn rớt xuống địa ngục.
Vì ngu ưa dục lạc
Nên bị mất an lạc
Ai không sợ điều ác
Thì sẽ giống như lửa.
Cho đến tận giờ chết
Hay phá hoại tất cả
Do sự phá hoại này
Phá hạt giống sinh mạng.
Để lợi ích an lạc
Được vui thoát sầu khổ
Trượng phu nên siêng năng
Thường xuyên tạo nghiệp lành.
Nếu ai trừ bỏ dục
Sẽ hết nóng được mát
Ai thật là người trí
Thì không cầu dục lạc.*

Để điều phục chư Thiên, ngỗng chúa đã nói bài kệ như vậy. Nếu vị trời nào sống phóng dật thì không nghe, không nhớ nghĩ, không tư duy. Nếu vị nào thích nghe bài kệ mà ngỗng chúa đã nói để hàng phục Thiên chúng thì đi mau đến khu đất vô lậu để nghe chánh pháp. Nghe rồi, họ sinh tâm kính trọng. Được nghe chánh pháp và sinh tâm kính trọng rồi, vị ấy mau chóng trở lại tòa nhà. Trong tòa nhà ấy có các vị trời do nghe chánh pháp tâm sinh kính trọng nên ánh sáng tăng lên gấp trăm ngàn lần. Các vị trời phóng dật thì ánh sáng bị giảm. Như vậy trong cõi trời, quả báo phát sinh ngay trong hiện tại. Vị nào ưa dục lạc cõi trời thì sẽ ít sắc đẹp, hình vóc, trang phục, đồ trang sức tất cả đều thua kém. Những điều này là sự thoái thất đầu tiên của cõi trời Đâu-suất.

Sự thoái thất thứ hai của cõi trời Đâu-suất là khi Thiên chúng tập hợp lại nghe pháp thì có vô lượng trăm ngàn ức chúng hội và năm trăm Bồ-tát ở nơi đó, vua trời Đâu-

suất tên là Tịch tĩnh thuyết pháp cho Thiên chúng nghe. Pháp được thuyết là Vô minh duyên hành... Lúc nghe chánh pháp, Thiên chúng nhất tâm nghe thật kỹ. Do nghe như vậy, oai đức và vẻ đẹp của họ đều vượt trội, tăng lên gấp trăm ngàn lần. Nếu vị trời nào động tâm, tâm liền như điện, hoặc như gió mạnh thổi nước biển cả làm lớp lớp sóng chuyển động, do tham ái làm duyên nên tâm động như vậy. Do ưa thích cảnh giới nên hình vóc, y phục và đồ trang sức của vị trời ấy vẫn như cũ không đẹp thêm. Vì thấy người khác hơn mình nên vị ấy sinh tâm hổ thẹn. Đây là sự thoái thất thứ hai của cõi trời Đâu-suất-đà.

Sự thoái thất thứ ba ở cõi trời Đâu-suất-đà là: Vị trời nào nghe pháp, tâm sinh kính trọng, biết như thuyết, biết như pháp tướng. Biết như vậy rồi, tâm niệm trụ ở nơi chân chánh thì oai đức, hình vóc, y phục trang sức của vị trời ấy đều tăng lên gấp trăm ngàn lần. Vị Thiên nào không niệm pháp thì oai đức, hình dáng, y phục, đồ trang sức không tăng thêm. Đây chính là sự thoái thất thứ ba ở cõi trời Đâu-suất-đà.

Sự thoái thất thứ tư ở cõi trời Đâu-suất-đà là lúc nghe chánh pháp, nếu các vị trời ấy sinh tâm kính trọng, chuyên tâm nhớ nghĩ, giữ gìn như pháp, chuyên tâm thọ trì. Người tu hành như vậy, tư duy kỹ rồi, sau đó mới hành trì. Vị trời ấy kính pháp, trọng pháp. Do nhân duyên thù thắng, do nghe pháp, oai đức, ánh sáng, hình vóc, y phục, đồ trang sức tăng lên gấp trăm ngàn lần. Vị nào nghe rồi không siêng năng tu hành, khi thấy hình vóc, đồ trang sức vẻ đẹp của người khác tăng thêm và thấy oai đức, ánh sáng, hình vóc vẻ đẹp của mình không tăng thêm thì sinh hổ thẹn. Đây chính là sự thoái thất thứ tư của cõi trời Đâu-suất-đà.

Lại nữa, sau khi quan sát bốn loại thoái thất ở cõi trời Đâu-suất-đà rồi, Tỳ-kheo ấy lại quán xét sự thoái thất của cõi trời Hóa lạc. Vị ấy thấy thú vui thù thắng của cõi trời ấy còn có bốn việc thoái thất. Những gì là bốn?

Một là do hết nghiệp lành chân liền có bóng. Các phần còn lại của thân đều có ánh sáng, riêng chân thì không. Vì vậy chân của vị trời ấy có bóng. Thấy ánh sáng của các vị trời khác vây quanh mình họ như núi, vị trời thua kém ít ánh sáng ấy liền bỏ đi. Những vị trời có ánh sáng thù thắng thấy vậy liền chê cười và nói:

–Vị trời này thua kém do nghiệp lành đã hết.

Vị trời chân có bóng nghe vậy liền xấu hổ, tâm sinh buồn rầu, nói thảm như vậy:

–Nghiệp mình hết rồi nên mới như vậy.

Tất cả những sự đầy đủ rốt cuộc đều hoại mất cũng như ở thế gian do có ngày nên có đêm. Ở nơi này, tất cả những sự đầy đủ cuối cùng đều thoái thất. Nếu ai có sống thì phải có chết. Sự đầy đủ này cuối cùng phải hoại mất. Thế gian này không có sự đầy đủ nào mà không bị hư hoại. Sự thoái thất ấy là sự thoái thất đầu tiên của cõi trời Hóa lạc.

Sự thoái thất thứ hai của cõi trời Hóa lạc là: Giống như bông vải kiếp bối ở cõi Diêm-phù-đề rất mềm mại, dùng chân đạp lên nó liền xẹp, giở chân nó phồng lên trở lại, đất ở cõi trời Hóa lạc cũng mềm như vậy. Vị trời nào thọ nhận quả báo, khi nghiệp thiện hết thì đất không còn mềm mại, chân đạp lên không xẹp, giở chân không phồng lên. Vị trời khác thấy vậy biết nghiệp của vị này đã hết. Có vị trời khi thấy điều đó mới nói với các vị khác:

–Vị trời ấy đã hết nghiệp thiện, giờ thoái đọa sắp đến.

Đó là sự thoái thất thứ hai của cõi trời Hóa lạc.

Sự thoái thất thứ ba của cõi trời Hóa lạc là: Lúc vị trời ấy đi chơi, nếu đến vui chơi ở dưới tàng cây, cây liền mưa hoa bên trên vị ấy. Hoa rải đầy khắp khu đất mà vị ấy vui

chơi. Nếu nghiệp lành sắp hết, hoa trên cây không rơi, không rải trên đất, các vị trời khác thấy hoa trên cây không rơi, không rải trên đất, liền nói:

– Vị trời này đã hết nghiệp thiện, giờ thoái đọa đã sắp đến.

Vị trời ấy nghe xong cảm thấy xấu hổ, buồn rầu, nghĩ thầm: Nay ta sắp thoái đọa. Đó là sự thoái thất thứ ba của cõi trời Hóa lạc.

Sự thoái thất thứ tư của cõi trời Hóa lạc là: Trời Hóa lạc ấy nhất định thoái thất. Sự đầy đủ của cõi trời nhất định sẽ bị hoại mất. Sự thoái thất thứ tư của cõi trời Hóa lạc là gì? Đó là mỗi vị trời đều ở một vùng đất báu. Đất báu này trong sạch như gương. Thân một vị trời hiện ra ở vô lượng chỗ, hiện đủ loại ảnh, đủ loại trang phục, đủ loại vẻ đẹp. Giống như cõi người, một mặt trời hiện ra ở trăm ngàn chỗ khác nhau trong các ao sen ở nhiều nơi, thân vị trời này hiện khắp trong vô lượng trăm ngàn khu đất báu và các thân ấy đều giống nhau.

Nếu vị trời nào hết nghiệp lành thì thân vị ấy chỉ hiện ảnh trong một khu đất báu mà thôi chớ không hiện ở khắp nơi. Thấy sự thoái thất ấy, các vị trời có trí tuệ khác liền nói: Vị trời này đã hết nghiệp lành, sắp bị thoái thất. Đó là sự thoái thất thứ tư của trời Hóa lạc này. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thế gian ưa đầy đủ
Không biết đến thoái thất
Đầy đủ ắt có mất
Như có ngày có đêm.
Vui đầy đủ như vậy
Tất thoái thất như vậy
Ham muốn không biết đủ
Nên thích trong chốc lát.
Nếu ai thích đầy đủ
Hoặc cầu thường được vui
Hãy xả bỏ tham ái
Thường được vui như vậy.
Chưa thỏa mãn tham dục
Đã nhập vào địa ngục
Tất cả đều do ái
Là điều Như Lai dạy.
Nếu ai vào địa ngục
Trăm lần hoặc ngàn lần
Cũng do lưới ái lừa
Nên phải bị như thế.*

Trời Hóa lạc có bốn loại thoái thất như thế.

Tỳ-kheo lại quán bốn việc thoái thất ở cõi trời Tha hóa tự tại. Nếu nghiệp lành của các vị trời ấy sắp hết, lúc sắp thoái đọa liền có sự thoái thất. Chư Thiên ở cõi ấy có đủ loại vòng hoa đội đầu xinh đẹp, hoa trời không héo che khắp mặt đất. Hoa này có mùi thơm vào bậc nhất, không gì có thể so sánh. Vòng hoa xinh đẹp của họ có đủ loại màu sắc, có ánh sáng thù thắng. Ngay cả ánh sáng báu cũng không bằng một phần mười sáu ánh sáng này. Vòng hoa vị trời ấy có nhiều con ong có cánh bằng bảy báu. Chúng phát ra thiên nhạc trong mọi lúc.

Ở cõi trời Tha hóa tự tại này, lúc nghiệp hết, sắp thoái đọa, con ong có cánh bằng

bảy báu ấy phát ra tiếng không hay, bỏ vị trời này và các hương hoa bay đến chỗ khác.

Biết vị trời ấy sắp bị thoái đọa, các vị trời có trí tuệ khác nói với vị này là: “Hôm nay, do ông phóng dật nên giờ thoái đọa sắp đến mà không hay biết”. Nghe như vậy rồi, lại thấy các con ong bỏ đi chỗ khác, vị trời có nghiệp lành đã hết nghĩ rằng: “Phước nghiệp của mình đã hết”.

Do thấy thú vui của mình sắp chấm dứt, vị ấy sinh tâm buồn rầu vô độ. Tâm nóng bức như vậy không khác gì lửa địa ngục và chỉ ở địa ngục mới có loại lửa này. Đó là sự thoái thất đầu tiên của cõi trời Tha hóa tự tại.

Sự thoái thất thứ hai của cõi trời Tha hóa là: Thân của vị trời ấy trơn láng bậc nhất, ánh sáng đầy khắp, sáng đến nỗi ánh sáng của mặt trời cũng giống như ánh sáng của đom đóm. Anh lạc vị trời ấy đeo trên thân và các thứ trang sức khác có ánh sáng. Chúng đều có các ngọn núi và vách báu hiện ở bên trong đó không khác gì hiện ở trong gương. Nếu sắp đến lúc thoái đọa, anh lạc và các đồ trang sức mà vị trời ấy đeo không còn hiện ngọn núi và vách ở bên trong nữa.

Thấy như vậy, các vị trời có trí tuệ khác nói với vị trời đã hết nghiệp sắp thoái đọa: “Ông sống phóng dật, sắp đến lúc thoái đọa nên anh lạc, đồ trang sức ông đeo trên người không có ánh sáng, vách báu và núi không hiện trong đó”. Các vị trời có trí tuệ đã từng thấy các vị trời lúc sắp đến giờ thoái đọa có tướng như vậy. Đó là sự thoái đọa thứ hai của cõi trời Tha hóa.

Sự thoái thất thứ ba của cõi trời Tha hóa tự tại là: Lúc vị trời ấy thoái đọa, sắp đến xứ khác, các vị trời chưa hết nghiệp cõi cung điện sáng rỡ làm bằng đủ loại châu báu. Họ có thể đi một cách mau chóng, không bị chướng ngại, không bị chao đảo ở ba chỗ là hư không, mặt đất và nước. Vị trời nào hết nghiệp, sắp thoái đọa thì cung điện họ bị chao đảo và đi chậm. Các vị trời khác thấy cung điện đó lay động mới nói với vị ấy: “Nay ông đã sắp đến giờ thoái đọa, trước đây ta đã từng thấy các vị trời khác lúc sắp đến giờ chết có tướng như vậy.” Nghe đến việc mình sắp xa cảnh giới cõi trời, vị trời mà nghiệp đã hết bị lửa sâu thiêu đốt tâm giống như bị lửa địa ngục thiêu vậy. Đó là sự thoái thất thứ ba của cõi trời Tha hóa tự tại.

Sự thoái thất thứ tư của cõi trời Tha hóa tự tại là: Vị trời nào chưa hết nghiệp lành thì được nghe năm loại âm nhạc, được tô điểm bằng tiếng ca dịu dàng, dễ nghe, nghe xong tâm sinh vui vẻ.

Nếu vị trời nào nghiệp lành đã hết, thì năm loại âm nhạc mà họ được nghe không hay, tiếng ca mà họ nghe cũng vậy. Nó giống như bị ngọng. Nghe rồi họ không sinh tâm vui. Đó là do nghiệp của mình nên mới như vậy.

Trong đồ trang sức phát ra tiếng nói: “Do ông sống phóng dật, nay nghiệp thiện của ông đã hết. Vì nghiệp trói buộc, ông sắp đến thế giới khác”.

Do nghiệp của mình, nghe đồ trang sức nói, vị trời ấy rất buồn rầu, than:

–Nay thú vui của cảnh giới và nghiệp lành của ta đã hết.

Cái mào trang sức trên đầu liền rơi xuống. Thấy vậy, vị ấy vô cùng đau khổ. Đó là sự thoái thất thứ tư của cõi trời Tha hóa tự tại. Ở trong ba cõi, chỗ nào cũng không có vật gì là thường còn, tất cả đều vô thường. Như vậy, sáu cõi trời đều là chỗ thoái thất. Khi nghiệp thiện hết, các vị trời ấy nhất định phải thoái đọa. Vị trời thoái đọa này cầu các vị trời khác nhờ trì giới mà được sinh Thiên cứu giúp, nhưng khi nghiệp thiện hết nhất định phải như vậy.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà nói: “Như vậy đó, hỡi các vị trời ở Sơn thọ cụ

túc, kinh điển ở trong tháp của Phật Ca-ca-thôn-đà đã dạy các vị trời như vậy. Chư Thiên các ông phải lìa bỏ phóng dật, chớ có sống phóng dật nữa. Vị khổ của phóng dật sẽ được thọ nhận trong địa ngục. Tất cả các mùi vị của tham dục đều như vậy. Sau khi nghe kinh mà Đức Phật thứ ba dạy rồi, vị trời nào trong số đó đang thích sống phóng dật liền giảm bớt phóng dật. Kinh thứ ba trong sáu kinh Phật Ca-ca-thôn-đà đã dạy xong.

Bấy giờ, biết Thiên chúng ấy đã sinh tâm nhằm chán dục lạc, Thiên chủ Dạ-ma ở nơi ấy mới bảo họ: Thiên chúng các ông đã nghe chánh pháp do bậc Đại tiên thuyết, có thể dứt sạch các khổ, trừ bỏ phóng dật, nói pháp trong sạch cho hàng trời, người. Thiên chúng các ông đã nghe pháp của Đức Phật thứ ba. Nay các ông nghe pháp, nghe luật rồi nên siêng năng tu hành, lại nghe pháp mà các vị Phật khác thuyết giảng, nghe rồi giữ gìn liền được lợi ích, khi thoát đọa khỏi cõi trời này không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà nói như vậy rồi, tất cả Thiên chúng đều bạch với Thiên chủ:

–Cúi xin Thiên vương hãy làm cho chúng con được lợi ích, làm cho chúng con được an lạc.

Bấy giờ, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng:

–Tất cả Thiên chúng các ông đều thấy tháp Phật thứ tư được trang điểm bằng đủ loại châu báu, có rất nhiều ánh sáng chiếu rực rỡ và đủ loại vật báu xinh đẹp, kỳ lạ xen lẫn nhau, được trang nghiêm với vô lượng công đức, ánh sáng trùm khắp tất cả cõi trời này.

Bấy giờ, Thiên chúng bạch Thiên vương:

–Chúng con đã thấy.

Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng:

–Bây giờ tất cả các ông hãy cùng ta viếng thăm tháp của Như Lai.

Thiên chúng đáp:

–Thưa Thiên vương, chúng con xin tuân lệnh.

Bấy giờ, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà và Thiên chúng cùng nhau đi. Sau khi đến tháp Phật, với tâm thanh tịnh, họ đảnh lễ tháp của Đức Như Lai, tâm liền được mát mẻ. Sau khi lễ xong, họ chiêm ngưỡng tháp của Đức Phật Tỳ-diệp-bà. Tháp ấy có đủ loại châu báu kỳ diệu, ánh sáng chiếu rực rỡ như đã nói ở trước. Trên vách báu trong tháp ấy có chép kinh pháp làm lợi ích cho hàng trời, người. Đó là kinh nói về bảy pháp mà nếu ai thành tựu thì sẽ sinh lên trời. Những gì là bảy?

Pháp thứ nhất là có thiện nam nghe pháp liền hiểu nghĩa, nghe pháp rồi tu hành, nghe pháp với thiện ý, tùy theo pháp được nghe tâm họ liền thấu giữ một cách chắc chắn, nghe rồi họ thọ trì, nghe rồi họ ưa thích, sinh tâm vui mừng. Người thiện nam này gần kề với bảy loại hiểu biết đầy đủ công đức. Những gì là bảy loại hiểu biết đầy đủ công đức?

1. Như thuyết tu hành.
2. Gần người làm đúng như lời nói.
3. Có thể như thuyết tu hành, kiên cố thấu giữ.
4. Đặc pháp kiên cố tư duy.
5. Trụ ý.
6. Gần người có cùng nghiệp thiện.
7. Không nghe điều ác của người khác dạy. Người thiện nam ấy gần kề bảy loại

hiểu biết đầy đủ công đức này.

Thế nào là như thuyết tu hành? Người như thuyết tu hành là người làm việc một cách khéo léo. Nếu có điều gì cần nói, họ biết cách nói ít mà có thể làm lợi ích. Họ biết lúc nào nên nói, chỗ nào nên nói, không sớm không muộn, dùng ít lời nhưng chứa nhiều nghĩa. Họ giải thích rất hay và tương ứng với chánh pháp, làm lợi ích cho cả mình lẫn người. Mỗi khi nói gì, họ đều làm như điều họ đã nói.

Thế nào là gần người làm đúng như lời nói? Đó là người thường tu tập thân, khẩu, ý một cách chân chánh, ý nghĩ của họ sạch như vàng ròng. Người này tu hành y như lời Phật dạy.

Thế nào là người giữ vững việc làm đúng theo lời nói? Người này nếu có làm gì thì đều là việc trong sạch. Họ luôn quan sát việc làm của thân, khẩu, ý. Khi nghiệp đã trong sạch rồi họ được sinh vào cõi trời, người cho đến Niết-bàn. Người này hoặc tự suy nghĩ, hoặc nghe theo người khác. Niềm vui của nghiệp báo ấy là niềm vui chắc chắn, giữ được bền lâu. Người bạn ấy là hạng giữ vững.

Thế nào là đắc pháp kiên cố tư duy? Đó là họ giữ gìn điều trong sạch một cách chắc chắn, làm lợi ích hai đời. Thấy như vậy rồi họ suy nghĩ một cách chắc chắn. Người có ý suy nghĩ chắc chắn như vậy hoặc là theo lời dạy của người khác mà chắc chắn được quả báo lành, hoặc là tự suy nghĩ, ưa thích chân đế. Đó là người bạn ưa thích chân đế.

Thế nào là hạng giữ vững ý? Đó là nghe nhiều rồi nhưng ý không loạn nên gọi là trụ ý.

Thế nào là gần người có cùng nghiệp thiện? Đó là thấy người khác đồng công đức với mình liền gần người ấy.

Thế nào là không nghe điều ác của người khác dạy bảo? Đó là không bị lôi kéo do phi pháp giống như pháp thiện của người khác, thân cận với bảy hạng tri thức đầy đủ công đức. Thiện nam ấy hoặc sinh trong nhân gian, hoặc sinh lên trời. Đây là pháp đầu tiên.

Sáu pháp còn lại để thành tựu việc được sinh lên trời ấy là gì? Đó là sáu pháp sau: Đa văn, thâm giữ tu hành, không biếng trễ, nhớ nghĩ, không bức bách kẻ khác, không khi đối. Như đã nói, ai thành tựu được bảy loại pháp này khi chết sẽ sinh trong đường lành là cõi trời, ở trong bảy cung điện lớn, làm vua hoặc đại thần, cõi cung điện như vậy, đi đến chỗ vui chơi, nghe năm loại âm nhạc, ca múa vui đùa, được trang điểm bằng vòng hoa kỳ diệu. Nếu ai thành tựu bảy pháp như vậy sẽ đi đến cõi trời.

Thế nào gọi là Đa văn? Đa văn là nghe pháp chân chánh, nghe rồi chế ngự tâm không cho kiêu mạn. Nếu như họ có nghe điều gì thì tăng thêm đa văn, không sống phóng dật, trí không tự mãn thường học hỏi người khác, không khoe công đức của mình với người khác, không ca tụng danh tiếng mình. Người đa văn này khi chết sẽ sinh nơi đường lành là cõi trời. Đây là pháp thứ nhì, theo đó tu hành sẽ được thành tựu.

Thế nào là pháp thứ ba: Thâm giữ tu hành? Đó là nghe pháp rồi thì hộ trì tu hành. Nếu có người nghe pháp rồi, lại hộ trì tu tập theo những luật lệ phi pháp, nghe pháp rồi họ coi pháp là gánh nặng, không tu tập nên không nắm giữ được thành quả của pháp.

Nếu có người dùng móc câu trí tuệ để hàng phục tâm và trì giới. Nếu trí ấy không yên tĩnh thì người trì giới đó giống như ngọn đèn đốt vào ban ngày, không có ánh sáng, không có chắc thật. Nếu trong việc trì giới mà có trí tuệ xen vào người ấy sẽ giống như ánh sáng ngọn đèn, vừa bền lại vừa thật, được kết quả không hư dối. Người nào tu tập theo chánh pháp thì được lời nói chắc thật, chẳng phải chỉ nói suông mà không làm.

Người ấy có thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp đều trong sạch. Khi chết, người ấy sẽ sinh vào đường lành là cõi trời. Đây là pháp thứ ba.

Thứ tư: pháp không biếng trễ là gì? Biếng trễ nghĩa là không làm. Không làm nghĩa là pháp phải làm, họ bày ra rồi không làm, không thể đạt đến kết quả. Pháp ấy như vậy, nếu siêng năng không dứt thì có thể đạt đến kết quả, nếu biếng nhác không siêng năng thì không thể đạt đến kết quả. Chỉ làm một chút ban đầu thì không thể thực hành đầy đủ đối với pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu là người biếng nhác thì tất cả việc làm đều yếu kém, bị mọi người khinh rẻ, chê bai, tự chịu đau khổ, khi chết bị đọa vào đường ác là địa ngục.

Người này bị biếng nhác phá hoại. Biếng nhác ghê gớm như vậy nên ta phải xả bỏ nó như xả bỏ lửa và dao, như bờ hiểm đẽ rớt. Ai bị biếng nhác hủy hoại thì biếng nhác không có oai đức giống như con dê. Người ấy không có trí tuệ, không biết tất cả việc làm hoặc trí hoặc phi trí, hoặc pháp hoặc phi pháp, nên làm hay không nên làm, không biết gì cả. Vì sao? Do không đọc kinh, không nghe pháp, do biếng nhác.

Nếu có người bàn luận để khai mở tâm ý về những điều hiểu biết bằng trí tuệ để biết tất cả hoặc pháp hoặc phi pháp, nên làm hay không nên làm, nên đi hay không nên đi, phải biết tất cả những pháp như vậy nhờ trí tuệ, nhờ tinh tấn mới biết được, còn biếng nhác thì không thể biết. Những người biếng nhác không khác người mù, khi chết sẽ bị đọa vào đường ác là địa ngục. Người này không thể nào ra khỏi thế gian và phải chịu khổ vô cùng, phải ăn xin ở nhà người khác, thường đứng dựa cổng nhà người khác cầu xin thức ăn, thường cầu cạnh người khác, dung mạo xấu xí, tóc che kín mắt, mắt khô, móng chân, da, tất cả đều khô cháy, phải đến xin ăn ở từng nhà khắp bốn phía xóm làng, cuộc sống rất cay đắng, bị tất cả khinh chê. Do nhân duyên này ta nên xả bỏ tất cả sự biếng nhác.

Ngược lại, người siêng năng thì thành tựu tất cả mọi việc kể cả Niết-bàn, hưởng gì là các pháp thế gian khác. Khi chết, người này sinh vào đường lành là cõi trời. Do vậy, hoặc trời, hoặc người, tất cả đều nên xả bỏ biếng nhác và phải siêng năng.

Khi ấy Phật Tỳ-diệp-bà nói kệ:

*Ý biếng nhác với huyễn
Hoặc mạn hoặc ác khẩu
Hoặc xả bỏ trí tuệ
Đó là sự thoái thất.
Gần gũi với bạn ác
Xa lánh những bạn lành
Hoặc là thấy sai lầm
Là nhân của thoái thất.
Không biết thiện và ác
Nói năng không đúng thời
Hoặc là tin phụ nữ
Là việc không lợi ích.
Gần gũi với người nào
Ăn uống ở nơi đâu
Thân không được lợi ích
Pháp này khiến người khinh.
Hèn nhát hoặc thất niệm*

*Hoặc là bị vua ghét
Hoặc là tâm ngang ngược
Sẽ chết bất thành linh.
Không biết rõ nghiệp quả
Pháp cùng với phi pháp
Xa lìa người bạn lành
Liền đọa vào đường ác.
Biếng nhác hoặc ngủ nhiều
Hoặc tham đắm mùi vị
Sân hận và nói láo
Hoặc nói lời hung ác.
Tham lam hoặc kiêu mạn
Tâm động xả bỏ pháp
Nếu làm, gần dâm dục
Hoặc khen pháp dâm dục.
Như vậy có ba lỗi
Biếng nhác là gốc rễ
Người nào siêng tinh tấn
Thì không có các lỗi.
Ai siêng năng tinh tấn
Đều thành tựu kết quả
Kết cuộc của tinh tấn
Là thành quả tốt đẹp.
Ba loại nghiệp như vậy
Hay được ba loại quả
Ba nhóm ba nguồn gốc
Chắc chắn có ba đường.*

Chữ viết trên vách nơi tháp Phật Tỳ-diệp-bà đã nói bài kệ này chê trách việc biếng nhác. Thiên chúng xem rồi nói:

–Chúng ta quyết định xả bỏ biếng nhác. Từ biếng nhác này có các lỗi khác phát sinh.

Như Phật dạy, hoặc là trời, hoặc là người mà biếng nhác thì tất cả việc làm đều sút kém trong tất cả các thời. Nếu vị trời hoặc người nào mà không biếng nhác thì sẽ dần dần tiến đến Niết-bàn. Pháp thứ tư này có tác dụng lợi ích đối với cõi trời, người.

Pháp thứ năm có nhiều tác dụng, có nhiều lợi ích là: Nhớ nghĩ. Cái có thể làm chướng ngại tất cả các pháp là biếng nhác. Như vậy trong tất cả pháp thế gian, nhớ nghĩ là cội gốc có thể dẫn chúng ta đến Niết-bàn. Người xuất gia hoặc người tại gia nghĩ đến không phóng dật nên không sống phóng dật thì tất cả việc làm đều thành tựu. Người này thường tạo nghiệp như chánh pháp, siêng năng tinh tấn, tâm nhớ nghĩ hành động chân chánh theo chỗ mong cầu. Người này luôn hộ trì năm căn không cho trần cảnh xâm nhập, não hại, tâm không bị mê hoặc. Mắt thấy sắc rồi không có sinh dục nhiễm đối với sắc ấy, tâm không ưa thích, thấy như thật về sắc và biết nguồn gốc của nó. Vị ấy thấy nhân duyên nguồn gốc của sắc này, biết nó do duyên gì sinh ra. Vị ấy thấy sắc như vậy rồi, tâm không vẫn đục rối loạn. Như vậy sắc ấy không thể lôi kéo người này vì người ấy đã thấy như thật về sắc đó. Người xuất gia, hoặc người tại gia hoặc là hàng trời,

người, biết cái lỗi do sắc sẽ sinh, lỗi do sắc đã diệt. Họ biết tâm duyên sắc ấy ở nơi nào, xứ nào.

Mất duyên với cảnh giới như vậy sinh ra thức. Do cảnh giới ấy nên sinh ra nỗi sợ của ta. Niệm trong sạch này có thể trừ được phiền não. Ta nhờ niệm này đã trừ được nỗi lo sợ về cảnh giới như vậy, vì sự sợ hãi ấy phát sinh ở các cảnh giới. Điều mong mỗi nhất là nhờ tâm chánh niệm ta có thể trừ bỏ vô lượng nỗi lo sợ về cảnh giới sắc, đối với những cảnh giới sắc mà tâm niệm duyên theo thì ta có thể trừ bỏ dần dần ở trong từng niệm. Giống như người thợ rèn, lấy miếng đồng tốt đặt vào lửa rồi đem ra gò, cứ đưa vào lửa rồi đem ra gò. Nhiều lần như vậy, chuyên cần không nghỉ, dần dần trừ bỏ được rỉ sét làm cho nó trở nên tinh luyện, cũng vậy, chánh niệm hoàn toàn sẽ trừ được tâm cấu uế dần dần cho đến khi được trong sạch.

Lại như người thợ đúc bình, do nhiều điều kiện và sự khéo tập hợp lại làm cho cục đất bùn trở thành bình, người này với tâm chuyên cần, chánh niệm, nhân duyên tu tập đó như là duyên sinh ra cái bình, chánh niệm quan sát ngay khi mặc áo, tuần tự từ hành động ban đầu, chánh niệm, cho đến khi hoàn tất. Cần phát chánh niệm như vậy lần lượt cho đến khi hết sạch tất cả lỗi, được thấy chân đế, tâm được Thánh ấn ấn khả, lỗi của vị ấy đã hết. Do lỗi đã hết, mọi người đều biết như vậy. Vì thế, nếu muốn được hoàn thiện thì phải luôn luôn chánh niệm trong tất cả các thời. Nếu mất duyên với sắc liền dùng niệm giữ chặt tâm, không cho lay động như điều phục ngựa dữ, dùng chánh niệm giữ vững cảnh giới đã qua, ngăn cảnh giới đang hiện trước mặt, niệm chín mười tám thứ phiền não.

Thế nào là niệm trụ? Niệm trụ là khi tham dục phát sinh, hành giả không chạy theo nó, không cho tâm tán loạn. Niệm trụ này tư duy đúng như thật về sắc này, sắc kia, gồm có vô lượng loại, vô lượng hình tướng, quán bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo khiến cho tất cả dục nhiễm kia đều vắng lặng hoặc diệt hết, hoặc đều mỏng bớt. Thế lực của pháp thiện này là gì? Hệ niệm là nguồn gốc của nó. Tất cả pháp thiện đều dựa vào niệm trụ mà vận hành. Đó là niệm trong hiện tại.

Thế nào là niệm pháp ở đời vị lai? Vị lai chưa có, chưa sinh, chưa thấy, vậy tướng của cảnh giới ấy làm sao mà niệm, nếu có cảnh giới mới có thể niệm, cảnh giới trong đời vị lai chưa có làm sao để niệm? Điều cần niệm tuy chưa có nhưng thấy tướng trạng nhân duyên đưa đến nên có thể niệm được, như là thấy có người tu tập thân, khẩu, ý, thực hành nghiệp thiện, thấy rồi liền niệm người này chắc chắn sẽ sinh Thiên. Nếu thấy có vị trời thực hành nghiệp ác liền niệm vị trời này chắc chắn phải đọa vào địa ngục. Pháp “niệm” này là pháp thứ năm có nhiều tác dụng, nhiều lợi ích cho hàng trời, người.

Pháp thứ sáu có nhiều tác dụng, nhiều lợi ích cho hàng trời, người là không gây phiền não người khác. Ai không làm não hại người thì tâm sẽ vắng lặng, không sinh phân biệt là người này có phạm hạnh, hay người này không phạm hạnh, không sinh ganh ghét khi thấy ngoại cụ, thuốc men của người, không nói thãm, cũng không nói ra: Tôi là người trì giới.

Nếu trì giới chút ít, tụng kinh chút ít thì không được đem khoe nơi nhà Đàn-việt, giữ tâm bình đẳng đối với kẻ oán người thân, thường nhớ nghĩ về Tam bảo, không tự phá giới, không não loạn người trì giới, không đòi hỏi nhiều đồ dùng nơi các Đàn-việt, tâm của người này đằm thắm, thường cầu xin sư trưởng nói pháp, thường ở chỗ vắng và luôn gần gũi người có phạm hạnh. Người tương ứng với công đức này không làm não hại người khác. Do không làm não hại người khác nên có nhiều tác dụng, có nhiều lợi ích.

Pháp thứ bảy có nhiều tác dụng, có nhiều lợi ích trong cõi trời, người là không lừa dối, tự giấu công đức, trừ bỏ nghiệp ác, tâm ý ngay thẳng, biết đủ về y bát, thường xuyên khát thực, ở trong rừng cây, hang núi, ăn uống vừa đủ, giữ tâm bình đẳng không phân biệt cao thấp, khi có lý do mới đi du hành trong nhân gian, không đi ở nơi nghi là có trùng kiến, không phá hủy sông đầm, hồ nước... vì sợ giết trùng, không cầu khẩn mưa, đá, sấm sét... khiến rớt xuống giết hại chúng sinh, không nói chuyện trăng sao, nhật thực, nguyệt thực, điềm lành, điềm dữ để cầu sự cúng dường tài vật, đồ ăn uống nuôi thân mạng, không thường qua lại một nhà Đàn-việt, cũng không vênh mặt, ngược đầu mà đi, không được động môi giả đang tụng niệm, không nói to tiếng, cũng không nói lén, không mang giày dép tạp nhạp, không lấy đủ loại dây để quấn quanh thân thể, không mang túi thơm và nhiều màu, không tích trữ ngọc cụ, không nương ở với đại chúng không có giới và công đức, không bảo người khác vào thành ấp, xóm làng, nói về việc trì giới của mình vì mong cầu lợi dưỡng, không đến những nơi làm loạn tâm ý, không tham cầu, không ở gần thôn xóm, không đường đột đến nhà bà con và bạn bè thân thiết để nhờ vả, không phơi bày việc xấu và che giấu đức tốt của người khác, khi thấy người thật có lỗi, không đem nói khi vắng mặt họ, né tránh phụ nữ như tránh rắn độc, không nói chuyện và đi chung với các phụ nữ, không tìm đến những cây có nhiều hoa, cũng không dạo chơi nơi vườn cây xinh đẹp vì sợ nghe tiếng hót của các loài chim đáng yêu sẽ làm cho tâm dục phát sinh, không ngồi thiền nơi sông suối có nhiều tiếng động vì sợ tâm loạn động khi nghe tiếng ấy, không ngồi thiền và đi kinh hành ở gần các loại hoa có nhiều hương thơm vì sợ mũi ngửi mùi thơm làm tâm ý loạn động, cũng không nhìn ngắm các loài chim, các loại chim màu, ngỗng, vịt, mạng mạng, chim sẻ... không nhìn ngắm và đi kinh hành gần các loại chim đa dục vì sợ động tâm, sợ thấy các con chim mái khiến tâm dục phát khởi.

Không ngồi thiền gần các rừng cây như là cây dừa, cây ba-na-bà, cây mẫu thuốc, cây xoài, cây tỳ-la, cây ca-ty-tha, cây ba-lưu-sa, cây khư-thù-la, vì sợ sinh tâm tham mùi vị của nó, lia những cây ăn quả đến tọa thiền ở những rừng cây yên tĩnh, không có mùi vị đáng tham đắm, không có nhiều người, hoặc ở trong vườn an lạc hạnh, siêng năng tinh tấn; đối với sự oán ghét và chống đối, tâm thường không loạn, không nhận giữ những thứ để cất chùa và đất cày,

Người đoạn trừ tham ái này dùng dây ràng bát sắt nát lại để đựng đồ ăn thức uống, tâm không nghĩ đến bát đồng hay bạc. Họ không tích trữ đến ba cái chén, ca-sa họ có vừa đủ, vào mùa hạ, trừ khi đại tiểu tiện, không đi lung tung cho đến một bước vì sợ giết trùng. Ăn trái xa-di, họ ăn trái còn tươi, không ăn trái thối. Khi ăn trái táo nhỏ, nếu không xem kỹ thì họ không ăn, ăn trái lê, trái khư-thù-la, trái táo, đậu oản, đậu mục... nếu không xem kỹ thì họ không ăn vì sợ bên trong có trùng. Họ không bao giờ dẹp đuổi các con trùng sinh trên vách đất vì sợ làm tổn thương chúng, làm chúng chết. Họ ngồi yên một chỗ, không nhìn xem bát của người khác vì sợ tham thức ăn. Lúc đi đường người ấy không đi gần người khác vì sợ làm trở ngại. Họ không đại tiểu tiện nơi đất có nhiều trùng vì sợ làm tổn thương trùng và làm chết chúng. Lúc đi khát thực, họ nhìn xuống đất phía trước mặt cách chân một tầm để giữ tâm ngay thẳng. Họ thường gần người có tâm chánh trực. Tỳ-kheo này không tích chứa các vật, không mong cầu vật gì, tâm không thích thấy vật hiếm có và siêng năng ngồi thiền. Tỳ-kheo hiền thiện này, không đối trá, trì giới thanh tịnh, không vi phạm. Mạng sống và nội tâm họ thanh tịnh như vậy. Tỳ-kheo này giữ giới một cách chắc chắn, không bao giờ phạm học giới. Tỳ-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

kheo hiền thiện ấy sinh trong đường như vậy tùy theo tâm niệm. Do họ thường sống trong sạch nên có ý thiện phát sinh, những điều không vui ít sinh và họ nguyện sinh trong đường lành.

Khi ấy, Phật Tỳ-diệp-bà nói kệ:

*Người nào sống trong sạch
Thân, khẩu, ý lặng lẽ
Ngồi thiền lìa tham ái
Cách Niết-bàn không xa.
Tinh tấn hạnh đầu-đà
Ở gò mả rừng cây
Thường ở nơi như vậy
Cách Niết-bàn không xa.
Ai ngủ trên bụi đất
Giữ một bát hư bể
Ăn trái, rẽ biết đủ
Người ấy sống an lạc.
Người muốn được giải thoát
Thường thích sự biết đủ
Người ý lành mạnh mẽ
Cách Niết-bàn không xa.
Không dua nịnh, lừa dối
Xa lìa các trần cấu
Tâm họ như hư không
Cách Niết-bàn không xa.*

Vị Phật ấy khen ngợi Tỳ-kheo có hạnh lành không dua nịnh, lừa dối như vậy.

Người thành tựu bảy pháp như thế là thiện nam. Người nào sống theo dục lạc thì chìm trong biển sinh tử, không khác súc sinh, tuy mang hình người nhưng thật chẳng phải người. Người nào có thể thành tựu bảy pháp ấy liền được các bậc thiện nhân khen ngợi, khi chết sẽ sinh vào đường lành là cõi trời. Thọ diệu lạc cõi trời xong, thoát đọa xuống sinh trong loài người liền được nhập Niết-bàn nhờ nghiệp còn sót lại. Họ là người hiền thiện nhất.

Bảy pháp này từ pháp đầu tiên là gần gũi Thiện tri thức, kế đến là các pháp đa văn, giữ vững sự tu hành, chánh niệm không biếng nhác, không làm náo hại người khác, không lừa dối... không phải là pháp hư dối, tà vạy vì bảy pháp này là nhân duyên của kho tàng báu khiến ta được sinh trong cõi trời.

Nếu ở cõi trời nghe pháp này rồi chớ có sống phóng dật, vì nếu phóng dật sẽ khiến phước đức tiêu hết và đến lúc thoát đọa sẽ rơi xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì vậy chư Thiên chớ nên sống phóng dật để tự làm hỏng đời mình. Ở trong các cõi, không ai sống buông lung mà được an lạc. Con người thành tựu bảy pháp này sinh lên trời.

Ba nguyên nhân khiến cho ở cõi trời khi bị thoát đọa sẽ rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là: Không nghe chánh pháp, gần tri thức ác và không tin nghiệp quả. Nếu không thành tựu bảy pháp này sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Bấy giờ, Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng: “Các ông đã nghe tất cả điều này. Đức Phật đó đã dùng tâm thương xót tạo lợi ích cho chúng sinh”.

Khi Thiên vương nói xong, tất cả Thiên chúng đều bạch với Thiên vương:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Nay chúng con đã nghe kinh do Như Lai thuyết giảng, vì thương xót thế gian mà Đức Phật đã tạo lợi ích cho chúng con, đã thuyết pháp như vậy để trừ bỏ phóng dật.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà bảo Thiên chúng:

–Các ông nghe kinh này xong chớ có phóng dật. Do phóng dật mà chư Thiên sinh vào địa ngục, nga quỷ, súc sinh. Vì sao? Vì các ông nhờ vật quý trọng có giá trị lớn nên mới được sinh vào cõi trời này, nay không nên phóng dật khiến cho nó hết sạch mà phải thâu giữ, hành động chân chánh, xả bỏ phóng dật như lời Phật dạy trong kinh này.

Kinh thứ tư trong sáu kinh, Phật Tỳ-diệp-bà đã nói xong.

